

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27-3-2023

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Duy Thanh; 2. Ông Y Tha Mlô

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Đuông – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Ông Dương Hoàng Long – Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Minh T, sinh năm 1994 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 2B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh S, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 2A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2022 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Võ Thị Minh T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do nhiều nguyên nhân xuất phát từ phía anh S liên quan đến vấn đề kinh tế, con cái và phía gia đình của anh S. Trong khi đó, anh S không cố gắng để giải quyết các mâu thuẫn, chị đã cố gắng rất nhiều để tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nhưng mâu thuẫn ngày càng nảy sinh và không thể khắc phục được, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Trong thời gian

Tòa án giải quyết vụ án và tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng cho đến nay anh chị vẫn không thể hàn gắn được, không thể nói chuyện được với nhau. Chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 23/11/2015 và cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 06/12/2019. Chị có nguyện vọng nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp anh S có nguyện vọng nuôi con thì chị đồng ý giao cháu T cho anh S nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Minh S trình bày:

Anh và chị Võ Thị Minh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện thương yêu nhau, đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã E, huyện C. Trong thời gian chung sống, hai bên có xảy ra một số mâu thuẫn xuất phát từ nguyên nhân kinh tế, anh chưa có công việc ổn định và ở nhà chăm lo cho 02 con, chỉ có một mình chị T đi làm; mặt khác, đôi khi có một số vấn đề khác trong cuộc sống gia đình mà vợ chồng không có tiếng nói chung nên vợ chồng đôi khi xảy ra mâu thuẫn. Trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, hòa giải nhiều lần và cho anh chị về để nói chuyện với nhau nhưng cho đến nay vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Tuy nhiên, anh không đồng ý ly hôn. Nếu chị T vẫn quyết định muốn ly hôn thì anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh năm 2015 và cháu Nguyễn Thiên P, sinh năm 2019. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi cháu T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán về cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Minh T, chị Võ Thị Minh T được ly hôn với anh Nguyễn Minh S. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thiên P - sinh ngày 06/12/2019 cho chị Võ Thị Minh T và giao cháu Nguyễn Minh T - sinh ngày 23/11/2015 cho anh Nguyễn Minh S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với bị đơn có nơi cư trú tại Thôn 2, xã E, huyện C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Minh T và anh Nguyễn Minh S tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã E, huyện C theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, chị T và anh S xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã xuất phát từ nhiều nguyên nhân, đặc biệt là vấn đề kinh tế cũng như thiếu sự quan tâm chăm sóc giữa vợ chồng với nhau. Mâu thuẫn đã xảy ra thời gian dài trong mấy năm nhưng anh chị không tìm được biện pháp khắc phục. Trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án đã nhiều lần hòa giải và cho 02 bên thời gian tự hòa giải nhưng chị T và anh S vẫn không thể giải quyết các mâu thuẫn và hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, việc chị T xác định mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị được ly hôn với anh S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Võ Thị Minh T và anh Nguyễn Minh S có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 23/11/2015 và cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 06/12/2019. Cả chị T và anh S đều có nguyện vọng nuôi con, xét nguyện vọng của hai bên và nguyện vọng của cháu T muốn được ở với bố vì vậy cần thiết giao cho chị T nuôi dưỡng cháu P và giao cho anh S nuôi dưỡng cháu T cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh S mỗi người nuôi 01 con nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn anh Nguyễn Minh S không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Minh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Minh T được ly hôn với anh Nguyễn Minh S.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thiên P - sinh ngày 06/12/2019 cho chị Võ Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Giao con chung là cháu Nguyễn Minh T - sinh ngày 23/11/2015 cho anh Nguyễn Minh S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi

Chị Võ Thị Minh T và anh Nguyễn Minh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Võ Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0013926 ngày 30/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện CưM'gar
- THADS huyện CưM'gar
- UBND xã Ea Mnang
- Nguyên đơn; bị đơn
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thiên Lý

